

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TOÀN CẦU

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOAN CAU TECHNOLOGY SOLUTION AND TRADING SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TOAN CAU TTS., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108043457

**3. Ngày thành lập:** 31/10/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25 B7, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912561591

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                          | 5210        |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                            | 4610        |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                         | 4220        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                      | 4322        |
| 6.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                              | 3320        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663(Chính) |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                            | 7410        |
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                            | 4210        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                               | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                    | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652        |
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                | 4100        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659        |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |

|     |                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;                                 | 6820 |
| 19. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                                                                    | 4920 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                                                         | 5229 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                    | 8299 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                 | 4759 |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                              | 4290 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                        | 5224 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                       | 4690 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; | 4932 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                   | 4321 |
| 30. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4752 |
| 32. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                   | 5021 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                               | 5222 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                     | 7730 |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                  | 4741 |
| 36. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                      | 4649 |
| 37. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Tư vấn về môi trường;                                                                              | 7490 |

|     |                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931 |
| 39. | Cho thuê xe có động cơ                                                              | 7710 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                           | 8230 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                | 5221 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ TỊNH   | Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng Thái Bình, Xã Vũ Quý, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    | 150042433                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                          | Tổng số           | 90.000     | 900.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ VĂN HÓA    | P302 - H2 tập thể Khoa học Xã hội, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 630.000    | 6.300.000.000         | 70,000    | 013580404                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                          | Tổng số           | 630.000    | 6.300.000.000         | 70,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ HÀ | P302 - H2 tập thể Khoa học xã hội, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Tổng số           | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    | 013580405                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                          | Cổ phần phổ thông | 180.000    | 1.800.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ VĂN HÓA**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/06/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013580404*

Ngày cấp: *02/10/2012* Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P302 - H2 tập thể Khoa học Xã hội, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P302 - H2 tập thể Khoa học Xã hội, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội